

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2017/DS-ST

Ngày: 01-8-2017

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Hoàng Dân

2/ Ông Danh Syphal

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Bà Danh Thu Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1954, trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ T, sinh năm 1978, trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2017, có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị K (Hiền), sinh năm 1973 và ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1969 (chồng Bà K), cùng trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (Bà K hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Định Thành (An Giang), Bà K và ông Đ xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2017 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn đều trình bày:

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2013 (âm lịch) ông Nguyễn Quốc H (gọi tắt là ông K) có tham gia 01 phần hội giá 5.000.000 đồng do bà Huỳnh Thị K (gọi tắt là Bà K) làm chủ hội, đây hội gồm có 14 thành viên, 03 tháng xổ hội 01 lần. Ông K góp được 03 lần thì Bà K tuyên bố bãi hội và bỏ trốn khỏi địa phương, sau đó thì bị bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Số tiền ông K thực đóng cho Bà K mỗi lần khoảng 2.500.000 đồng, 03 lần tổng cộng là 7.500.000 đồng.

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị K và ông Đặng Hoàng Đ (gọi tắt là ông Đ) trả lại số tiền hội thực đóng là 7.500.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 7 năm 2017 bà Huỳnh Thị K thừa nhận: Có nợ của ông K số tiền hội thực đóng là 7.500.000 đồng. Bà K hẹn khi nào ra tù có điều kiện sẽ trả cho ông K.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 7 năm 2017 đồng bị đơn ông Đặng Hoàng Đ trình bày: Ông Đ thống nhất theo lời khai của bà K, không có ý kiến gì thêm. Nhưng hiện nay vợ chồng ông Đ không còn tài sản nên xin Tòa án xem xét cho thời gian trả nợ. Vì lý do bận đi làm ăn xa nên ông Đ xin được xét xử vắng mặt.

Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm có: Giấy ghi hội đề ngày 25/8/2013 (bản phô tô); Biên bản lấy lời khai bà K ngày 07/7/2017; Biên bản lấy lời khai ông Đ ngày 20/7/2017.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận việc bà K xin ra tù mới trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 của Tòa án (có xác nhận của Trại giam Định Thành) thì bà K thừa nhận có chơi hội và còn nợ lại ông K số tiền 7.500.000 đồng, nhưng xin ra tù có điều kiện mới trả nợ cho ông K. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng:*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 bị đơn bà Huỳnh Thị K xin được xét xử vắng mặt vì lý do đang bị tù giam nên không

thể đến tham dự phiên tòa. Đồng bị đơn là ông Đặng Hoàng Đ (chồng bà K) cũng xin được xét xử vắng mặt vì lý do đi làm ăn xa. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về nội dung vụ án:** Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Mỹ T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 bị đơn bà K thừa nhận có tham gia chơi hụi với ông K, do bà K làm chủ hụi. Trong quá trình chơi hụi bà K còn nợ ông K số tiền hụi thực đóng là 7.500.000 đồng. Bà K hẹn khi nào ra tù có điều kiện sẽ trả nợ cho ông K, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Lời trình bày của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định việc bà K có tham gia chơi hụi và còn nợ lại ông K số tiền 7.500.000 đồng là có thật. Nên yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 7.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn trả nợ: Xét yêu cầu của bà K hẹn khi nào ra tù có điều kiện sẽ trả nợ cho ông K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại mục 1, phần III, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *“Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành”*.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu của bà K. Do đó yêu cầu của bà K hẹn khi nào ra tù mới trả nợ cho ông K là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Việc bà K làm chủ hụi ông Đ cũng biết và cũng thống nhất với lời trình bày của Bà K. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...và Điều 37 của Luật này”*.

Tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: ...Nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...”*.

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông Đ, bà K chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền hụi còn thiếu là 7.500.000 đồng.

[3]. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà K, ông Đ phải chịu tiền án phí là 7.500.000 đồng x 5% = 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh